Biểu 01

# BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số: 621/QĐ-UBND ngày 03 /4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Dự toán điều chỉnh giảm | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên đơn vị | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | *Trong đó* | | | | |
| | | | Quỹ lương | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực | Thù lao cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội | |
| *A* | *B* | *1=2+3+4+5* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| | **TỔNG CỘNG** | **18.752.000.000** | **8.243.000.000** | **1.125.000.000** | **8.370.000.000** | **1.014.000.000** | |
| 1 | Hội Văn học Nghệ thuật và Nhà báo tỉnh | 7.481.000.000 | 2.820.200.000 | 388.800.000 | 4.272.000.000 | 0 | |
| 2 | Liên minh Hợp tác xã tỉnh | 3.581.000.000 | 2.309.400.000 | 237.600.000 | 1.034.000.000 | 0 | |
| 3 | Hội Chữ thập đỏ tỉnh | 5.200.000.000 | 2.380.400.000 | 345.600.000 | 2.474.000.000 | 0 | |
| 4 | Hội Đông y tỉnh | 1.476.000.000 | 733.000.000 | 153.000.000 | 590.000.000 | 0 | |
| 5 | Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh | 169.000.000 | 0 | 0 | 0 | 169.000.000 | |
| 6 | Hội Khuyến học tỉnh | 197.000.000 | 0 | 0 | 0 | 197.000.000 | |
| 7 | Hội Kiến trúc sư tỉnh | 85.000.000 | 0 | 0 | 0 | 85.000.000 | |
| 8 | Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh | 197.000.000 | 0 | 0 | 0 | 197.000.000 | |
| 9 | Hội Người cao tuổi tỉnh | 197.000.000 | 0 | 0 | 0 | 197.000.000 | |
| 10 | Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh | 169.000.000 | 0 | 0 | 0 | 169.000.000 | |

Biểu 02

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: 621/QĐ-UBND ngày 03 /4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh giảm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| | **TỔNG CỘNG** | **18.752.000.000** | |
| **I** | **Hội Văn học Nghệ thuật và Nhà báo tỉnh** | **7.481.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | - | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 7.481.000.000 | |
| 2.1 | Chi lương và định mức | 3.209.000.000 | |
| - | Quỹ lương | 2.820.200.000 | |
| - | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | 388.800.000 | |
| 2.2 | Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực | 4.272.000.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 | 203.000.000 | |
| - | Kinh phí thi đua khen thưởng | 32.000.000 | |
| - | Tổ chức Ngày thơ Việt Nam năm 2026 | 120.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ tranh Hoa Đào Xứ Lạng năm 2026 | 500.000.000 | |
| - | Tổ chức Hội báo xuân Xứ Lạng năm 2026 | 100.000.000 | |
| - | Tham gia trưng bày Hội Báo toàn quốc hằng năm | 30.000.000 | |
| - | Xuất bản Bản tin Người làm báo Lạng Sơn hằng năm (6 số/năm) | 470.000.000 | |
| - | Sửa chữa ô tô | 30.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Hợp đồng lao động 111/2022/NĐ-CP) | 11.485.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Biên chế) | 139.515.000 | |
| - | Kinh phí in xuất bản sách và chi phí Hội đồng thẩm định tác phẩm xuất bản sách (10 đầu sách) | 390.000.000 | |
| - | Hỗ trợ hoạt động triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh | 120.000.000 | |
| - | Trợ giá in Tạp chí Văn nghệ Xứ lạng | 384.000.000 | |
| - | Cước phí gửi Tạp chí, sách | 42.000.000 | |
| - | Hỗ trợ sưu tầm, sáng tác và công bố tác phẩm Văn học dân gian năm 2026 theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh | 700.000.000 | |
| - | Nhuận bút Tạp chí Văn nghệ Xứ Lạng | 1.000.000.000 | |
| **II** | **Liên minh Hợp tác xã tỉnh** | **3.581.000.000** | |

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh giảm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 3.581.000.000 | |
| 2.1 | Chi lương và định mức | 2.547.000.000 | |
| - | Quỹ lương | 2.309.400.000 | |
| - | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | 237.600.000 | |
| 2.2 | Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực | 1.034.000.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 | 160.000.000 | |
| - | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 theo Kế hoạch số 999/KH-BTV ngày 29/7/2025 của Liên minh HTX Việt Nam | 400.000.000 | |
| - | Kinh phí thi đua khen thưởng | 20.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh Lạng Sơn | 70.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại Hợp tác xã | 50.000.000 | |
| - | Kinh phí xây dựng bản tin hợp tác xã (450 quyển/1 kỳ, 2 kỳ/năm) | 93.000.000 | |
| - | Kinh phí xây dựng 02 phóng sự về mô hình hợp tác xã | 60.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Hợp đồng lao động 111/2022/NĐ-CP) | 6.000.000 | |
| - | Kinh phí mua 02 bộ máy ví tính | 40.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Biên chế) | 135.000.000 | |
| **III** | **Hội Chữ thập đỏ** | **5.200.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | - | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 5.200.000.000 | |
| 2.1 | Chi lương và định mức | 2.726.000.000 | |
| - | Quỹ lương | 2.380.400.000 | |
| - | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | 345.600.000 | |
| 2.2 | Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực | 2.474.000.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 | 173.000.000 | |
| - | Kinh phí thi đua khen thưởng | 28.000.000 | |
| - | Tuyên truyền trên đài truyền hình chuyên mục " Truyền hình nhân đạo Xứ Lạng" | 20.000.000 | |
| - | Tổ chức các cuộc vận động hiến máu tình nguyện tại tỉnh | 250.000.000 | |
| - | Kinh phí vận chuyển hàng cứu trợ | 100.000.000 | |

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh giảm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| - | Kinh phí tổ chức vận động xây dựng các quỹ | 100.000.000 | |
| - | Kinh phí hỗ trợ tiếp các đoàn tài trợ, ủng hộ trong và ngoài tỉnh | 100.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Hành trình đỏ | 340.000.000 | |
| - | Kinh phí các hoạt động chuyên môn | 130.000.000 | |
| - | Sửa xe ô tô | 50.000.000 | |
| - | Tổ chức hiến máu tại 9 cụm xã, phường | 480.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 01 máy tính | 15.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 01 máy in | 8.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 01 bộ ghế ngồi làm việc | 14.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị tủ đựng tài liệu | 14.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 | 300.000.000 | |
| - | Kinh phí tập huấn nâng cao trình độ kỹ năng cho cán bộ hội các cấp và lực lượng tình nguyện viên sau Đại Hội | 55.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức tôn vinh, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác nhân đạo và phong trào hiến máu tình nguyện nhân dịp kỷ niệm 80 năm thành lập Hội | 150.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ | 147.000.000 | |
| **IV** | **Hội Đông y tỉnh** | **1.476.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 1.476.000.000 | |
| 2.1 | Chi lương và định mức | 886.000.000 | |
| - | Quỹ lương | 733.000.000 | |
| - | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | 153.000.000 | |
| 2.2 | Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực | 590.000.000 | |
| - | Hỗ trợ tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 | 234.000.000 | |
| - | Kinh phí thi đua khen thưởng | 9.000.000 | |
| - | Sửa chữa xe ô tô | 50.000.000 | |
| - | Kinh phí mua 01 bộ bàn ghế tiếp khách phòng hành chính | 13.000.000 | |
| - | Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng làm việc Chủ tịch | 37.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Đông y tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 | 200.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ | 47.000.000 | |

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh giảm | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| **V** | **Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh** | **169.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | - | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 169.000.000 | |
| - | Thù lao Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội | 169.000.000 | |
| **VI** | **Hội Khuyến Học tỉnh** | **197.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 197.000.000 | |
| - | Thù lao cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (01 Chủ tịch hội, 02 Phó Chủ tịch hội) | 197.000.000 | |
| **VII** | **Hội Kiến trúc sư tỉnh** | **85.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 85.000.000 | |
| - | Thù lao Chủ tịch Hội | 85.000.000 | |
| **VIII** | **Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh** | **197.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 197.000.000 | |
| - | Thù lao 01 Phó Chủ tịch hội | 197.000.000 | |
| **IX** | **Hội Người cao tuổi tỉnh** | **197.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | 0 | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 197.000.000 | |
| - | Thù lao cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội (01 Chủ tịch hội, 02 Phó Chủ tịch hội) | 197.000.000 | |
| **X** | **Hiệp Hội Doanh Nghiệp tỉnh** | **169.000.000** | |
| 1 | Dự toán tự chủ/ thường xuyên | - | |
| 2 | Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX) | 169.000.000 | |
| - | Thù lao 03 Phó Chủ tịch hội | 169.000.000 | |

Biểu 03

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026**

*(Kèm theo Quyết định số: 621/QĐ-UBND ngày 03 /4/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh tăng | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| | **Điều chỉnh tăng dự toán chi NSNN cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (gồm dự toán đã chi và dự toán chưa chi năm 2026)** | **18.752.000.000** | |
| **I** | **Dự toán tự chủ/ thường xuyên** | **-** | |
| **II** | **Dự toán ngoài định mức (kinh phí không tự chủ/không TX)** | **18.752.000.000** | |
| **1** | **Chi lương và định mức** | **9.368.000.000** | |
| - | Quỹ lương | 8.243.000.000 | |
| - | Định mức theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND | 1.125.000.000 | |
| **2** | **Các nhiệm vụ khác được giao theo lĩnh vực** | **9.384.000.000** | |
| - | Hỗ trợ tiền công lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 | 770.000.000 | |
| - | Kinh phí thi đua khen thưởng | 89.000.000 | |
| - | Sửa chữa ô tô | 130.000.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Hợp đồng lao động 111/2022/NĐ-CP) | 17.485.000 | |
| - | Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Biên chế) | 468.515.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 03 bộ máy ví tính | 55.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 01 máy in | 8.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị 01 bộ ghế ngồi làm việc | 14.000.000 | |
| - | Kinh phí trang bị tủ đựng tài liệu | 14.000.000 | |
| - | Kinh phí mua 01 bộ bàn ghế tiếp khách phòng hành chính | 13.000.000 | |
| - | Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng làm việc Chủ tịch | 37.000.000 | |
| - | Tổ chức Ngày thơ Việt Nam năm 2026 | 120.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ tranh Hoa Đào Xứ Lạng năm 2026 | 500.000.000 | |
| - | Tổ chức Hội báo xuân Xứ Lạng năm 2026 | 100.000.000 | |
| - | Tham gia trưng bày Hội Báo toàn quốc hằng năm | 30.000.000 | |
| - | Xuất bản Bản tin Người làm báo Lạng Sơn hằng năm (6 số/năm) | 470.000.000 | |
| - | Kinh phí in xuất bản sách và chi phí Hội đồng thẩm định tác phẩm xuất bản sách (10 đầu sách) | 390.000.000 | |
| - | Hỗ trợ hoạt động triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh | 120.000.000 | |

| STT | Đơn vị/Nội dung | Dự toán điều chỉnh tăng | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| - | Trợ giá in Tạp chí Văn nghệ Xứ lạng | 384.000.000 | |
| - | Cước phí gửi Tạp chí, sách | 42.000.000 | |
| - | Hỗ trợ sưu tầm, sáng tác và công bố tác phẩm Văn học dân gian năm 2026 theo Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh | 700.000.000 | |
| - | Nhuận bút Tạp chí Văn nghệ Xứ Lạng | 1.000.000.000 | |
| | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 theo Kế hoạch số 999/KH-BTV ngày 29/7/2025 của Liên minh HTX Việt Nam | 400.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết Ban chấp hành Liên minh Hợp tác xã tỉnh Lạng Sơn | 70.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Hội nghị đối thoại Hợp tác xã | 50.000.000 | |
| - | Kinh phí xây dựng bản tin hợp tác xã (450 quyển/1 kỳ, 2 kỳ/năm) | 93.000.000 | |
| - | Kinh phí xây dựng 02 phóng sự về mô hình hợp tác xã | 60.000.000 | |
| - | Tuyên truyền trên đài truyền hình chuyên mục " Truyền hình nhân đạo Xứ Lạng" | 20.000.000 | |
| - | Tổ chức các cuộc vận động hiến máu tình nguyện tại tỉnh | 250.000.000 | |
| - | Kinh phí vận chuyển hàng cứu trợ | 100.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức vận động xây dựng các quỹ | 100.000.000 | |
| - | Kinh phí hỗ trợ tiếp các đoàn tài trợ, ủng hộ trong và ngoài tỉnh | 100.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Hành trình đỏ | 340.000.000 | |
| - | Kinh phí các hoạt động chuyên môn | 130.000.000 | |
| - | Tổ chức hiến máu tại 9 cụm xã, phường | 480.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 | 300.000.000 | |
| - | Kinh phí tập huấn nâng cao trình độ kỹ năng cho cán bộ hội các cấp và lực lượng tình nguyện viên sau Đại Hội | 55.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức tôn vinh, biểu dương các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác nhân đạo và phong trào hiến máu tình nguyện nhân dịp kỷ niệm 80 năm thành lập Hội | 150.000.000 | |
| - | Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Hội Đông y tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2026-2031 | 200.000.000 | |
| - | Thù lao cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội | 1.014.000.000 | |